

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2009**

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu: Công ty cổ phần.
Tại ngày 01/01/2009 vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng
Trong đó:
Cổ đông Nhà nước nắm giữ 37,176% vốn (tương ứng 7.435.200.000đ vốn điều lệ)
Cổ đông là Pháp nhân khác nắm giữ 1,50% vốn (tương ứng 300.000.000đ vốn điều lệ)
Cổ đông là Cá nhân nắm giữ 61,32% vốn (tương ứng 12.264.800.000đ vốn điều lệ)
Tại ngày 31/12/2009, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán quản lý.
Cổ phiếu Công ty đã được đăng ký lưu ký và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ngày 21/10/2009. Tên giao dịch là BED.
2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, in ấn, dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:
 - Kinh doanh sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy, vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm, văn hoá phẩm, đồ thiết bị văn phòng.
 - Sản xuất và cung ứng trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn, đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử.
 - In ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác.
 - Cung cấp các loại hình dịch vụ: cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho tàng, khách sạn nhà hàng, các loại hình vui chơi giải trí, thiết kế kỹ thuật tạo mẫu.
 - Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hoá giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính điện tử, giấy in các loại.
 - Nhận uỷ thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hoá.
 - Tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.
4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:
Công ty phát hành tăng vốn điều lệ thêm 10 tỉ đồng thành công vào tháng 3/2009, đưa tổng số vốn điều lệ công ty đạt 30 tỉ đồng. Mục đích tăng vốn điều lệ là nhằm bổ sung đầu tư tăng công năng tòa nhà Trung tâm Sách Đà Nẵng tại 76-78 Bạch Đằng, đầu tư Nhà sách Sơn Trà, di dời nhà máy in vào khu công nghiệp Hòa Cầm. Đến 31/12/2009: Nhà sách Sơn Trà đã đi vào hoạt động; các hạng mục đầu tư tăng công năng tòa nhà Trung tâm Sách Đà Nẵng tại 76-78 Bạch Đằng đã thực hiện hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 8/2009; công trình nhà máy in tại khu công nghiệp Hòa Cầm đang trong giai đoạn hoàn thiện và quyết toán.
Sau thời gian nỗ lực chuẩn bị hồ sơ, ngày 21/10/2009, cổ phiếu công ty bắt đầu được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chi phí cho quá trình tăng vốn điều lệ và niềm yết là khoản không thường có của công ty qua nhiều năm.

Năm 2009, chương trình trang bị thiết bị dùng thay sách cung ứng lần đầu cho trường học và chương trình cải cách thay sách giáo khoa cùng chấm dứt sau nhiều năm liền thực hiện làm thị trường ngành hàng truyền thống của công ty ảnh hưởng rất lớn. Sản lượng in sách giáo khoa giảm hẳn. Doanh thu thiết bị phục vụ dạy và học cung ứng cho thị trường truyền thống cũng giảm hẳn. Mặt hàng ngành hàng sản xuất kinh doanh chủ đạo, truyền thống của Công ty đang bị cạnh tranh gay gắt, kết quả lợi nhuận mang lại từ đây bị giảm sút, chưa được như mong muốn, chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư và các thế mạnh của Công ty. Thị phần của Công ty đang bị các đối thủ xâm thực. Tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt và diễn ra trên nhiều mặt: sản phẩm, giá cả, dịch vụ, hậu mãi, chăm sóc khách hàng. Tuy nhiên, Công ty đã và đang cố gắng trở thành một công ty bán lẻ, đa dạng mặt hàng, phục vụ tốt cho khu vực và cả các địa bàn lân cận.

Hoạt động dịch vụ năm 2009 tăng trưởng đáng kể so với năm 2008. Tăng 275%.

Năm 2009 Công ty đã kiên quyết xử lý dứt điểm các mặt hàng tồn đọng, kém chất lượng và giảm bớt hàng tồn kho. Tuy nhiên cuối năm công ty có chuẩn bị một lượng hàng lớn để chuẩn bị cung cấp cho Dự án Giáo dục Trung học Phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hợp đồng đã ký kết. Giá trị vốn lô hàng hiện có đang tập kết để chuẩn bị giao lên đến hơn 5 tỉ đồng. Vì vậy tổng giá trị hàng tồn kho thực tế vào ngày 31/12/2009 vẫn còn cao.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2009 và kết thúc vào ngày 31/12/2009.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán áp dụng theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển
2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại và chi phí thu mua phát sinh để có được hàng tồn kho ở trạng thái hiện tại

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị thành phẩm tồn kho là giá thành sản phẩm tồn kho; Giá trị sách hàng hoá tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền của từng tên sách hàng hoá nhân với số lượng từng tên sách tồn kho tương ứng; Giá trị thiết bị, văn phòng phẩm, đồ chơi tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp giá đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo các tiêu chuẩn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ: có giá trị trên 10 triệu đồng và thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình theo phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

TSCĐ vô hình (Quyền sử dụng đất) không thực hiện khấu hao theo Quyết Định 206/2003/QĐ-BTC ở trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: ghi nhận theo giá gốc

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính: không phát sinh

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: thực vay phát sinh

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: các khoản chi phí trả trước có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho các năm tài chính (kê giá hàng trang bị cho các nhà sách mới).

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: ghi nhận trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa dịch vụ đã sử dụng trong kỳ , bao gồm chi phí lãi vay phải trả , chi phí bán hàng, chi phí phải trả khác

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: năm 2009 không còn số dư quỹ trợ cấp mất việc làm phải trả

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Ghi nhận cổ tức: theo tỉ lệ phân phối được quyết định bởi Đại hội cổ đông thường niên. Cổ tức đợt 2 năm 2008 chia trong năm 2009 là 822.000.000 đồng (tương ứng 2,74%/vốn). Cổ tức năm 2009 đã được ứng đợt 1 trong năm 2009 là 1.500.000.000 đồng (tương ứng 5%/vốn).

- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ , các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ đầu tư và phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế

Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 5,5% lợi nhuận sau thuế

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Cuối năm tài chính , Công ty đánh giá lại các khoản tiền nhận kí quỹ cho thuê mặt bằng có thỏa thuận qui đổi bằng ngoại tệ USD . Số tiền lỗ do đánh giá lại các khoản tiền có nguồn gốc ngoại tệ vào cuối năm đã ghi nhận vào chi phí tài chính là 106.466.945 đồng.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán: .

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
Tiền mặt	35.540.280	42.223.151
Tiền gửi ngân hàng	2.482.825.607	1.797.806.727
Cộng:	2.518.365.887	1.840.029.878
02. Đầu tư ngắn hạn khác		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn	2.536.336.806	

	Cộng:	2.536.336.806	
03.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	Phải thu khác	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
		3.083.055.270	1.936.720
	Cộng:	3.083.055.270	1.936.720
04.	Hàng tồn kho		
	Nguyên liệu, vật liệu	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
		305.187.056	273.551.384
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		10.836.235
	Thành phẩm	246.591.598	306.618.143
	Hàng hoá	6.470.001.178	2.280.110.962
	Hàng gửi đi bán	11.476.404.013	13.079.182.484
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	18.498.183.845	15.950.299.208
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(602.093.813)
	Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	18.498.183.845	15.348.205.395
	Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm	602.093.813	
*	Trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	602.093.813	(602.093.813)
05.	Các khoản thuế phải thu		
	Các khoản thuế nộp thừa cho nhà nước	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
	Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	82.837.026	89.186.225
	Cộng	82.837.026	89.186.225
7.	Tài sản dài hạn khác		
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
		80.000.000	40.000.000
	Cộng	80.000.000	40.000.000
8.	Tăng giảm Tài sản cố định các loại: xin xem		
đến	bản trình bày ngang kèm theo		
10.			
11.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	Công trình Nhà in tại Hòa Cầm	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
		255.484.746	42.590.959
	Công trình cải tạo tầng 7 tòa nhà DANABOOK 76BĐ	424.749.042	23.363.636
	Công trình cải tạo, nâng tầng nhà 78 Bạch Đằng		143.641.000
	Cộng:	680.233.788	209.595.595
12.	Tăng giảm bất động sản đầu tư: không phát sinh		
13.	Đầu tư dài hạn khác		
	Đầu tư trái phiếu	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
		686.490	643.490
	Cộng:	686.490	643.490
	Chi phí trả trước dài hạn: (kê, giá trung bày hàng)	659.718.976	803.263.516
14.			
15.	Vay và nợ ngắn hạn		
	Vay ngắn hạn	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
		0	1.500.000.000
	Cộng:	0	1.500.000.000
16.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008

	Thuế GTGT	131.019.419	32.538.412
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	791.395.122	17.995.273
	Thuế thu nhập cá nhân		1.300
	Cộng:	922.414.541	50.534.985
18.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
	Bảo hiểm y tế	2.481	56.970
	Bảo hiểm xã hội	16.721	7.519.479
	Kinh phí công đoàn	407.727.666	380.469.118
	Doanh thu chưa thực hiện	17.456.091	8.727.273
	Các khoản phải trả về cổ phần hoá		
	Phải trả về bán cổ phần nhà nước	0	0
	Cổ tức phải trả Nhà nước	0	1.291.494.240
	Phải trả nhà nước tiền bán CP nghèo trả chậm	0	150.500.000
	Cổ tức phải trả pháp nhân khác (Công ty Hồng Anh)	41.220.000	18.000.000
	Cổ tức phải trả cá nhân khác do chưa nhận	25.649.000	18.044.000
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.919.126	768.810.732
	Cộng:	582.991.085	2.643.621.812
20.	Các khoản vay và nợ dài hạn	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
20.1.	Vay dài hạn		
	Vay ngân hàng	4.187.000.000	3.000.000.000
	Vay đối tượng khác (CNV)	2.210.270.000	4.778.770.000
20.2.	Nợ dài hạn: không phát sinh		
	Cộng:	6.397.270.000	7.778.770.000
22.	Vốn chủ sở hữu		
22.1	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
22.2	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
	Vốn góp của Nhà nước	11.152.800.000	7.435.200.000
	Vốn góp của các đối tượng khác	18.847.200.000	12.564.800.000
	Cộng:	30.000.000.000	20.000.000.000
	* Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm: không		
	* Số lượng cổ phiếu quỹ: không		
	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
22.3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
	Vốn góp tăng trong kỳ	10.000.000.000	
	Vốn góp giảm trong kỳ		
	Vốn góp Cuối kỳ	30.000.000.000	20.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần (số dư)	2.707.300.000	2.707.300.000
	Cổ tức đã chia		2.674.000.000
	Ứng cổ tức đợt 2/2007 (4%/vốn)		800.000.000
	Trả cổ tức đợt 3/2007 (3,37%/vốn)		674.000.000

	Ứng cổ tức đợt 1/2008 (6%/vốn)		1.200.000.000
	Trả cổ tức đợt 2/2009 (cổ tức 2008 còn lại chi 2009)	822.000.000	
22.4	Cổ tức	năm 2009	năm 2008
	Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	chưa công bố	10,11%
	Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	chưa công bố	10,11%
22.5	Cổ phiếu	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	2.000.000
	Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	2.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi	0	0
	*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)		
22.6	Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
	Quỹ đầu tư và phát triển	3.626.201.264	2.815.513.351
		Cuối năm 2009	Cuối năm 2008
	Quỹ dự phòng tài chính	357.843.172	238.048.643
22.7	Tổng quát thay đổi lãi chưa phân phối như sau:	năm 2009	năm 2008
	Lãi năm trước chưa phân phối	1.195.890.580	2.852.936.108
	Lãi năm 2004-2007 tăng do kết quả của thanh tra tpĐN	690.893.384	
	Lãi năm nay	3.860.596.639	2.461.770.580
	<i>(Năm 2008: thuế TNDN 28%, được miễn 30% vào Q4/2008)</i>		
	<i>(Năm 2009: thuế TNDN 25%, được miễn 30% cả năm)</i>		
	Chia cổ tức năm 2007 trong năm 2008 (7,37%/vốn)		(1.474.000.000)
	Ứng cổ tức năm 2008 đợt 1 (6%)		(1.200.000.000)
	Chia cổ tức còn lại năm 2008 trong năm 2009	(822.000.000)	
	Ứng cổ tức năm 2009 đợt 1 (5%)	(1.500.000.000)	
	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(70.740.000)	(65.880.000)
	Trích quỹ đầu tư và phát triển từ thuế TNDN năm trước được miễn	0	(588.534.117)
	Trích quỹ đầu tư và phát triển từ lợi nhuận 2006 tăng thêm theo kết quả kiểm toán nhà nước, ĐHCĐ năm 2008 đã thông qua	0	(373.513.895)
	Trích quỹ đầu tư và phát triển từ lợi nhuận 2004-2007 tăng thêm theo kết quả của thanh tra tp Đà Nẵng	(690.893.384)	
	Trích quỹ đầu tư và phát triển từ lợi nhuận năm trước theo ĐHCĐ	(119.794.529)	(134.544.405)
	Trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm trước theo ĐHCĐ	(119.794.529)	(134.544.405)
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước theo ĐHCĐ	(134.301.522)	(147.799.286)

Tạm trích trước quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2009	(5.000.000)	
Lãi còn lại chưa phân phối vào cuối năm	2.284.856.639	1.195.890.580

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Năm 2009	Năm 2008
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	72.192.336.020	72.648.200.293
Doanh thu bán hàng	67.035.786.444	70.778.423.144
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.156.549.576	1.869.777.149
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	99.869.945	212.790.401
Hàng bán bị trả lại	99.869.945	212.790.401
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	72.092.466.075	72.435.409.892
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	66.935.916.499	70.565.632.743
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	5.156.549.576	1.869.777.149
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.249.067.188	10.418.634.536
Giá vốn của hàng hoá đã bán	48.273.774.764	49.289.857.804
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.928.727	85.018.742
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	191.732.226	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		3.994.660
Cộng:	53.773.502.905	59.797.505.742
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.379.342	58.203.404
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	43.000	1.578.900
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	291.363.628	125.619.619
Doanh thu hoạt động tài chính khác		19.054.576
Cộng:	389.785.970	204.456.499
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền vay	477.598.529	538.128.955
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	36.461.982	141.980.644
Lỗi chênh lệch tỉ giá	108.471.970	
Chi phí tài chính khác (xem như lãi vay)	133.938	193.014
Cộng:	622.666.419	680.302.613
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Năm 2009	Năm 2008
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	872.504.402	897.382.510
33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.384.554.868	7.216.835.976
Chi phí nhân công	7.178.869.653	6.987.631.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.553.175.536	1.982.357.685

Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.120.574.454	3.041.701.477
Chi phí khác bằng tiền	1.732.813.511	1.510.167.996
Cộng:	18.969.988.022	20.738.694.384

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có ghi nhận nào.

VIII. Những thông tin khác:

Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước):

Năm 2008 là năm Công ty bắt đầu hết được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp do cổ phần hóa, thuế TNDN phải nộp đủ 28% thu nhập chịu thuế, đến quý 4/2008 thì được miễn giảm 30% thuế TNDN (đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ).

Năm 2009 doanh nghiệp tiếp tục được hưởng miễn giảm 30% thuế TNDN (đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ). Thuế suất thuế TNDN năm 2009 là 25% thu nhập chịu thuế áp dụng từ khi Luật thuế TNDN bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2009.

Trong quý 3/2009, Công ty đã được thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật cổ phần hóa và trong hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2004-2007 bởi Thanh tra thành phố Đà Nẵng. Đoàn Thanh tra kết luận công ty đã kê khai và nộp các khoản thuế theo qui định. Tuy nhiên Đoàn Thanh tra đã xác định lại nguyên giá nhà và giá trị quyền sử dụng đất của một số giao dịch được công ty thực hiện trong giai đoạn trên. Theo đó: giá trị quyền sử dụng đất tăng thêm 1.826.827.820 đồng; Nguyên giá nhà, khấu hao nhà giảm bớt và khoản bồi thường tổn thất làm tăng lợi nhuận giai đoạn 2004-2007 số tiền 959.574.145 đồng. Sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, lợi nhuận sau thuế công ty tăng thêm 690.893.384 đồng, đã bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển

Năm 2008 công ty hoạt động với mức vốn điều lệ 20 tỉ đồng. Năm 2009 công ty hoạt động với mức vốn điều lệ 30 tỉ đồng từ 17/04/2009.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Mai Anh

Lê Mạnh

Nguyễn Văn Cản